

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+TD2	7:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
2		P4+P6	7:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
3		TTC1+TTC2+P8	7:25	7+6+9	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
4		RP3+BK21	9:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
5		PPD	9:25	22	0		22	0	
6		P6+P8	9:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
7		P6+BK19	11:25	20+1	0+0		19+3	0+0	
8		RP3+RP1	11:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
9		CTK3+PPD	11:25	10+12	0+0		9+13	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2024	TO: RP3 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ LƯỢNG	RP3				40	68	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC TUẤN	RP3					68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HÙNG	RP3	21-22	2	9		68	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN DOANH	RP3					70	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN HÙNG	RP3	20	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐAM	RP3	18	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
7	LÂM TIẾN PHI	RP3	19	1	5		85	KHI	Vietnamese
8	VANEEV DMITRIY	TD2	71	1	8	50	104	KHOAN	Russian
9	GROMOV SERGEY	TD2	76	1	8		85	KHOAN	Russian
10	HOÀNG VĂN BÁC	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
11	BUI HUU HONG	TD2					91	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	74	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	77	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TUNG	TD2	78	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	73	1	7	23	70	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	80	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ PHU	TD2	68	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	69	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH GIANG	TD2	79	1	7		67	PSV	Vietnamese
22	VŨ THANH NHẬT	TD2	75	1	8		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	7	5	30	514	40	4		NB: NGO CHUC ANH
2	TD2	15	12	75	1.157	73	18		
TOTAL		22	17	105	1.671	113	22		
WEIGHT KG				105	1.671	113			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2024	TO: P4 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Sơn - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OVCHARENKO ANDREI	P4	92	1	5		83	KHI	Russian
2	PHẠM THỊ TRƯỜNG	P4	96	1	5		76	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	93	1	4		70	KHI	Vietnamese
4	ĐÌNH NGỌC QUY	P4	87	1	8		76	KHI	Vietnamese
5	PHẠM TRẠI	P4	83	1	4		61	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	88-89	2	12		70	KHI	Vietnamese
7	TẠ XUÂN HIỆU	P4	84	1	6		66	KHI	Vietnamese
8	DOÀN THANH CÔNG	P4	95	1	6		75	KHI	Vietnamese
9	PHAN HỒNG TÂM	P4	99,300	2	10		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	593	1	2		75	KHI	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	81	1	3		80	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NĂM	P4	86	1	4		73	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	85	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	TRẦN SƠN TIỀN	P4	94	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	97	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	LÊ TRUNG LAM	P4					72	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4					82	KHI	Vietnamese
18	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	98	1	6		61	KHI	Vietnamese
19	CHERNAVSKY D.	P6	81	1	9	40	114	KH-THAC	Russian
20	PIATOV S	P6	80	1	15		97	KH-THAC	Russian
21	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	P6	82	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
22	HÀ DUY ĐÔNG	P6					78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	18	90	1.280	0	16		+ 01 NB NGO CHAU ANH
2	P6	4	3	31	367	40	6		
TOTAL		22	21	121	1.647	40	22		
WEIGHT KG				121	1.647	40			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TTC1 - TTC2 - P8	CREW: LTuấn - N.ANH - Vũ	ETA: 09:30
vang - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TTC1	99	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NHẬT THANH	TTC1	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC1				15	77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	54	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	TTC1	56	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN DUY LONG	TTC1	57-58	2	17		58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUNG	TTC1	98	1	3		73	PSV	Vietnamese
8	PHÙNG MINH HIỂU	TTC2	79	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN AN	TTC2	78	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN TUẤN	TTC2				40	56	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ PHƯƠNG	TTC2	80-81	2	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HOANG GIANG	TTC2	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐẠI KHOA	TTC2	77	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LAZAREV ALEXANDER	P8	28	1	6		85	KH-THAC	Russian
15	TRẦN VĂN QUÊ	P8	25	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM MINH DƯƠNG	P8	34-35	2	7		82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO TIỀN ĐẠT	P8	30-31	2	17		77	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NAM HAI	P8	33	1	5		93	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	24	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HOA	P8	32	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO VĂN ĐÓN	P8	28	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NHÂN	P8	26-27	2	12		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	7	7	47	464	15	7		NB: PHAM LAM HONG
2	TTC2	6	6	30	384	40	6		
3	P8	9	12	75	676	0	9		
TOTAL		22	25	152	1.524	55	22		
WEIGHT KG				152	1.524	55			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2024	TO: RP3 - BK21	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.Cường -	ETA: 11:40
XANH-2		QTrưởng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI NGOC LAM	RP3	32	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
2	KHUAT QUANG KIEN	RP3	33	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG HAO	RP3	39-40	2	14		85	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM DINH THUYET	RP3	38	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM XUAN HUY	RP3	36	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VIET BAC	RP3	41	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN SEN	RP3	34	1	6		70	KHI	Vietnamese
8	LE NHU NGUYEN	RP3	42-43	2	10		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN SANG	RP3	35	1	3		58	KHI	Vietnamese
10	HO VAN LUONG	RP3	25	1	3		62	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	29	1	10		78	KHI	Vietnamese
12	ĐANG HUY KHANH	RP3					76	KHI	Vietnamese
13	PHAM TRUNG DUNG	RP3	37	1	6		76	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VIET KY	RP3	30	1	4		74	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CU	RP3	26	1	4		60	KHI	Vietnamese
16	PHAM VAN LAP	RP3					61	KHI	Vietnamese
17	NGO NGOC HAN	RP3	27-28	2	11		67	KHI	Vietnamese
18	PHAM BINH NAM	RP3	31	1	5		63	KHI	Vietnamese
19	LE TRI HAO	BK21	34	1	5	20	66	KH-THAC	Vietnamese
20	HA XUAN THANH	BK21	35	1	4		105	KH-THAC	Vietnamese
21	VU XUAN QUY	BK21	33	1	10		99	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DINH TRUONG	BK21	32	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	19	108	1.251	0	18		
2	BK21	4	4	26	340	20	4		
TOTAL		22	23	134	1.591	20	22		
WEIGHT KG				134	1.591	20			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LTuấn - N.ANH - Vũ	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN DỪNG	PPD					77	KHI	Vietnamese
2	ĐO CHUNG KIEN	PPD	76	1	3	100	63	KHI	Vietnamese
3	ĐO NGỌC TÂN	PPD	77	1	8		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	78-80	3	15		69	KHI	Vietnamese
5	PHAN VĂN TUNG	PPD	800	1	9		78	KHI	Vietnamese
6	ĐO VĂN THANH	PPD	81	1	7		82	KHI	Vietnamese
7	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	82-83	2	9		103	KHI	Vietnamese
8	VU MẠNH HUNG	PPD	84	1	4		72	KHI	Vietnamese
9	LÊ MINH PHỤNG	PPD	85	1	4		82	KHI	Vietnamese
10	VU THANH BÌNH	PPD	86	1	5		83	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	87	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	KOLESNIK A.Y	PPD	88	1	6		103	KHI	Russian
13	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	89	1	15	15	77	KHI	Vietnamese
14	BUI THANH	PPD	91	1	3		63	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HAI QUANG	PPD	92	1	3		68	KHI	Vietnamese
16	PHẠM TÀI	PPD	93	1	10	5	73	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	94	1	4		76	KHI	Vietnamese
18	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	95	1	5		84	KHI	Vietnamese
19	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	96	1	4		85	KHI	Vietnamese
20	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	97	1	7		63	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	98	1	8		84	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	99	1	12		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	145	1.698	115	22		
TOTAL		22	24	145	1.698	115	22		
WEIGHT KG				145	1.698	115			

GRAND TOAL: 1.958 KGS + 51cg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2024	TO: P6 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Sơn - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TIEN DUNG	P6	92	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	88	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN HOÀN	P6	86	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	91	1	6	20	80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KHANG	P6	90	1	4		82	YTE	Vietnamese
6	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	93	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU NHAN	P6					70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC QUY	P6	87	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HUY THAI	P6	84-85	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU BAO	P8	36	1	12		91	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TÚ ANH	P8	40	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8	37	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH ĐỨC TRUNG	P8	35	1	16		90	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN BÁC	P8	38	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	45	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HUY	P8	42	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VINH DUNG	P8	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI QUÂN	P8	48-49	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG THẮNG	P8	47	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG TRI NAM	P8	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	46	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐỨC TÙNG	P8	43-44	2	9		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	9	9	43	696	20	8		
2	P8	13	15	89	917	0	14		
TOTAL		22	24	132	1.613	20	22		
WEIGHT KG				132	1.613	20			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2024	TO: P6 - BK19	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.Cường -	ETA: 14:00
XANH-3		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐẠI THANH	P6	45	1	3	20	67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO NGUYỄN HUNG	P6	53	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN KHANH	P6	43	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO KIM SÂM	P6	52	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG THAI ANH	P6	55	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY NGỌC	P6	54	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG GIANG	P6	49	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG HUY	P6	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHẮC HỒNG	P6	50	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN THAI	P6	40	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HUY	P6	47-48	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	51	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	41	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC HUNG	P6	56	1	4		65	PSV	Vietnamese
15	PHẠM MINH TÂM	P6	46	1	9		62	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	39	1	8		85	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	42	1	4		55	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN QUÂN	P6	57	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	18	19	110	1.243	20	19		
2	BK19	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		18	19	110	1.243	20	22		
WEIGHT KG				110	1.243	20			

GRAND TOAL: 1.373 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2024	TO: RP3 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - HIẾU	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHÔNG TIỀN DÙNG	RP3	60	1	13		78	KHI	Vietnamese
2	PHAN ANH KHANG	RP3	51-52	2	12		67	KHI	Vietnamese
3	IURI SERPOV	RP3	56-57	2	17		83	NOVOMET	Russian
4	ANTON ZHUKOV	RP3	58-59	2	16		75	NOVOMET	Russian
5	SERGEY STOLIAROV	RP3	94-95	2	21		103	NOVOMET	Russian
6	TRẦN VĂN THANH	RP3	61	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC HIỆP	RP3	55	1	4		70	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	RP3	53-54	2	12		74	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	47	1	7		64	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VY	RP3	45	1	4		69	PSV	Vietnamese
11	TRẦN THANH HAI	RP3	46	1	6		59	PSV	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC CHI	RP3	50	1	3		57	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	49	1	3		57	PSV	Vietnamese
14	HOANG MINH THIÊN	RP3	48	1	5		71	PSV	Vietnamese
15	MAI MINH TIỀN	RP3	44	1	4		73	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	58	1	3	15	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUÂN	RP1	58	1	4		74	PSV	Vietnamese
18	VŨ XUÂN TIỀN	RP1	55	1	7		70	PSV	Vietnamese
19	TRẦN HIỆP	RP1	56	1	5		58	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY QUYÊN	RP1	54	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	57	1	4		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THẠCH	RP1	59	1	4		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	20	132	1.067	0	14		
2	RP1	7	7	32	459	15	8		
TOTAL		22	27	164	1.526	15	22		
WEIGHT KG				164	1.526	15			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/04/2024	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Vũ	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	93	1	6	80	73	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN THÔNG	CTK3	94-95	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	88	1	6		60	PSV	Vietnamese
4	LÊ NHỎ CANG	CTK3	99	1	6		67	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HIẾU	CTK3	89	1	4		61	PSV	Vietnamese
6	LÊ ĐẶC NHA	CTK3	98	1	5		65	PSV	Vietnamese
7	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	90	1	6		68	PSV	Vietnamese
8	LÊ TUẤN VŨ	CTK3	91	1	9		100	PSV	Vietnamese
9	LÊ THANH TÙNG	CTK3	92	1	7		78	PSV	Vietnamese
10	LÊ DUY HAI	CTK3	700	1	3		75	PSV	Vietnamese
11	LÊ CHÍ BẢO	PPD	65	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
12	GALLIAMOV I	PPD	67	1	5		66	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	60	1	4		73	PSV	Vietnamese
14	BUI XUÂN ĐIỆP	PPD	64	1	9		65	PSV	Vietnamese
15	LÊ TIẾN LỢI	PPD	61	1	6		65	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VIỆT HOANG	PPD	62	1	4		52	PSV	Vietnamese
17	VŨ THẾ LIÊN	PPD	66	1	6		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH LAM	PPD	55-56	2	8		79	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN GIANG	PPD	68	1	3		64	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	57	1	7		78	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	63	1	5		66	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	PPD	58-59	2	8		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	11	66	718	80	9		
2	PPD	12	14	76	815	0	13		
TOTAL		22	25	142	1.533	80	22		
WEIGHT KG				142	1.533	80			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ID VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD3	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
2		TD5+TD2	09:25	22+0	0		19+1	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - TD3	CREW: Linh - XTrường - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

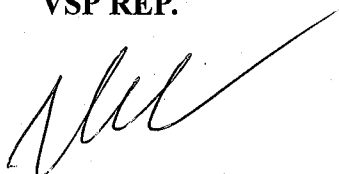
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN SỰ	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ VĂN HIỆN	TD5	89	1	8	60	78	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	88	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	07	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN QUANG BẮC	TD3	64	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
7	BUI CÔNG SON	TD3	08	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ SĨ PHỤNG	TD3	04	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO DUY CHÍNH	TD3	05	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ HỒNG VƯƠNG	TD3	65	1	15		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	61-62	2	8		72	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
13	VĂN ĐÌNH QUANG	TD3	97-98	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HUYNH TRUNG	TD3	63	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
15	LẠI CAO THANH	TD3	06	1	14		62	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ XUÂN THẮNG	TD3	01-02	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH QUANG CHIẾN	TD3	60	1	13		76	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	03	1	10	35	78	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	96	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	ĐINH SỸ TUẤN	TD3	99	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
21	YANCHENKO SERGEY	TD3	66	1	15		77	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	3	2	14	222	60	0		
2	TD3	18	19	172	1.277	35	22		
TOTAL		21	21	186	1.499	95	22		
WEIGHT KG				186	1.499	95			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

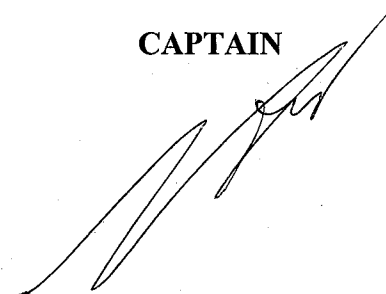
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/04/2024	TO: TD5 -TD2-VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Linh - XTrường - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH ANH TRUONG	TD5	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	DUONG QUOC CONG	TD5	71-72	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
3	VU XUAN ANH	TD5	75	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN NHU Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MINH VU	TD5	79-80	2	20		73	PVD- BAKE	Vietnamese
6	ĐANG MINH SƠN	TD5	81	1	10		69	PVD- BAKE	Vietnamese
7	TRẦN THANH TÂM	TD5	85	1	12		53	PVD- BAKE	Vietnamese
8	HOANG LINH	TD5	82	1	5		65	PVD- BAKE	Vietnamese
9	VU VAN TUONG	TD5	77-75		15		80	PVD- BAKE	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	TD5	33	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH HUNG	TD5	73	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGO THUAN THANH	TD5	86-87	2	16		75	KHOAN	Vietnamese
13	VU HUU KE	TD5	27-29	3	16		84	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH DUY THANH	TD5	32	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MINH HIEU	TD5	68,70	2	9		85	KHOAN	Vietnamese
16	LE VIET THANG	TD5	84	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
17	HA KHUONG DUY	TD5	30-31	2	15		66	KHOAN	Vietnamese
18	VU THE HUNG	TD5	74	1	11		69	KHOAN	Vietnamese
19	ĐANG VIET CUONG	TD5	34-35	2	13		67	D-HANH	Vietnamese
20	LE PHU PHUC	TD5	83	1	6		82	DVL	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HIỆP	TD5	76	1	15		78	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	27	212	1.513	0	19		
2	TD2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	27	212	1.513	0	20		
WEIGHT KG				212	1.513	0			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Linh VSP.